

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2024/DS-ST
Ngày: 24 - 5 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08A/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (S1).

Địa chỉ: 2 N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh N – Chức vụ: Trưởng Phòng G. Có mặt.

Địa chỉ: G Bà T, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 3272/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 và số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Đình Q, sinh năm 1971, nơi ĐKKHKT: Thôn F, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T1 – Cục C - Bộ C1, địa chỉ: Thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1974 (Vợ ông Lê Đình Q);

Địa chỉ: Thôn F, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/12/2021 Ngân hàng TMCP S ký Hợp đồng tín dụng số 202126474124 với ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T. Tổng mức tín dụng được cấp là 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn*); Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe ô tô phục vụ kinh doanh; Lãi suất cho vay: Lãi suất 03 tháng đầu tiên: 9,5%/năm. Tại thời điểm bắt đầu tháng thứ 04 trở đi kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay sẽ được S1 điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần và bằng lãi suất cơ sở tương ứng theo kỳ hạn vay được S1 niêm yết tại www.S1.com.vn điểm điều chỉnh cộng biên độ cố định 2,6%/năm. Phương thức trả nợ: Vốn gốc được chia thành 48 kỳ; ngày trả nợ đầu tiên vào ngày 28/01/2022. Các kỳ tiếp theo trả ngày 30 hàng tháng. Số tiền gốc trả hàng kỳ: 20.833.000 đồng; riêng kỳ cuối trả số tiền 20.849.000 đồng. Đến ngày đáo hạn của Hợp đồng, Bên được cấp tín dụng phải trả hết nợ vay (bao gồm nợ gốc, lãi và chi phí liên quan); K trả lãi: Ngày 30 hàng tháng. Ngày 24/12/2021 Ngân hàng TMCP S đã giải ngân 1.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn*) cho ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T theo Giấy nhận nợ số LD2135800039 ngày 24/12/2021.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là: 01 xe ô tô tải ben Howo 4 chân 380 HP nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2021, xuất xứ Trung Quốc, màu nâu, model ZZ3317N3267E1, Đăng ký xe số: 36021807; Biển kiểm soát: 36H-033.77; do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 17/12/2021 cho ông Lê Đình Q, theo hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ký ngày 23/12/2021.

Trong thời gian đầu, ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi hàng tháng đầy đủ. Tuy nhiên, kể từ kỳ trả nợ tháng 06/2023 ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T đã không thanh toán nợ vay đúng hạn cho Ngân hàng, vi phạm lịch trả nợ trên hợp đồng tín dụng và các văn bản đã ký. Sau nhiều lần làm việc và đôn đốc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T không trả thêm được bất kỳ đồng nào và có biểu hiện chây ỳ, vi phạm Điều 4 “Phương pháp tính lãi, kỳ trả lãi” và Điều 7: “Phương thức trả nợ, trả nợ trước hạn” của Hợp đồng tín dụng.

Căn cứ mục 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 202126474124 ngày 23/12/2023 với nội dung “Khi xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng này thì các bên ưu tiên giải quyết trên cơ sở thương lượng. Trường hợp một trong các bên xác

định không giải quyết được bằng thương lượng thì một trong các bên có quyền đưa ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Trường hợp yêu cầu Tòa giải quyết, S1 có toàn quyền lựa chọn Tòa án nơi có trụ sở chính hoặc Tòa án nơi có trụ sở Chi nhánh, phòng giao dịch của S1 nêu tại hợp đồng này hoặc một Tòa án khác để khởi kiện phù hợp quy định của pháp luật.”

Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

1. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 202126474124 ngày 23/12/2021, tạm tính đến ngày 24/5/2024 bao gồm: Nợ gốc còn lại: 609.991.879 đồng; Lãi trong hạn 80.083.336 đồng; Lãi quá hạn 10.939.690 đồng, tổng cộng: 701.014.905 đồng và tiền lãi, phí phạt phát sinh cho đến khi xét xử và tất toán khoản nợ theo lãi suất quy định.

2. Trong trường hợp ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T không thanh toán cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải ben Howo 4 chân 380 HP nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2021, xuất xứ Trung Quốc, màu nâu, model ZZ3317N3267E1, Đăng ký xe số: 36021807; Biển kiểm soát: 36H-033.77 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 17/12/2021 cho ông Lê Đình Q.

Tại bản tự khai ngày 22/3/2024, bị đơn là ông Lê Đình Q trình bày: Ngày 23/12/2021 vợ chồng ông có vay vốn của Ngân hàng TMCP S để mua xe ô tô tải 4 chân H, hình thức trả góp, với số tiền vay 1.000.000.000 đồng và có thế chấp chính chiếc xe trên để đảm bảo việc trả nợ. Thời gian đầu gia đình trả gốc, lãi đầy đủ. Tuy nhiên từ khi ông phải đi trả án (đi chấp hành án phạt tù), vợ con ở nhà quản lý chiếc xe trên và trả nợ cho Ngân hàng thế nào ông không rõ. Nay ngân hàng khởi kiện đòi nợ, quan điểm của ông Q là xin ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình ông được trả nợ hàng tháng theo hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Hoàng Thị T theo quy định, nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai.

Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã ra quyết định xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp và đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp theo quy định. Tuy nhiên, qua xác minh thực tế tại địa phương xác định: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô tải ben Howo 4 chân 380 HP nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2021, xuất xứ Trung Quốc, màu nâu, model ZZ3317N3267E1, Đăng ký xe số: 36021807; Biển kiểm soát: 36H-033.77, do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 17/12/2021 cho ông Lê Đình Q, hiện tại không có tại địa phương và không xác định được chiếc xe trên hiện tại đang ở đâu, do ai quản lý.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Lê Đình Q vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Hoàng Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, tuy nhiên bà T không chấp hành các quyết định của Tòa án, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Đình Q hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam T1, đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP S, buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T phải trả cho ngân hàng số tiền 701.014.905 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 609.991.879 đồng; Lãi trong hạn 80.083.336 đồng; Lãi quá hạn 10.939.690 đồng, tính đến ngày 24/5/2024 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/5/2024 cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T không thanh toán cho Ngân hàng TMCP S thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mãi tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô tải ben Howo 4 chân 380 HP nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2021, xuất xứ Trung Quốc, màu nâu, model ZZ3317N3267E1, Đăng ký xe số: 36021807; Biển kiểm soát: 36H- 033.77, do Phòng CSGT tỉnh T cấp ngày 17/12/2021 cho ông Lê Đình Q.

- Án phí dân sự và chi phí tố tụng: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T có Hộ khẩu thường trú tại: Thôn F, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Hoàng Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; bị đơn ông Lê Đình Q vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 202126474124 ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ngày 23/12/2021 do đại diện Ngân hàng TMCP S xuất trình, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị T vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Bị đơn Lê Đình Q có ý kiến xác nhận việc ngày 23/12/2021 ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T có vay vốn của Ngân hàng TMCP S để mua xe ô tô tải 4 chân H, hình thức trả góp, với số tiền vay 1.000.000.000 đồng và có thế chấp chính chiếc xe trên để đảm bảo việc trả nợ. Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và tài liệu là Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở khẳng định: Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp xe ô tô nói trên là do Đại diện Ngân hàng TMCP S với ông Q, bà T tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 202126474124 ngày 23/12/2021 và Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ngày 23/12/2021 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T phải trả số tiền nợ gốc và lãi, thấy rằng:

[3.1] Hợp đồng tín dụng số 202126474124 ngày 23/12/2021 là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân đủ số tiền 1.000.000.000 đồng cho ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T theo Giấy nhận nợ số LD2135800039 ngày 24/12/2021, đúng như thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Q và bà T mới trả được một phần khoản nợ gốc/lãi cho Ngân hàng, từ kỳ hạn trả nợ tháng 6 năm 2023 ông Q, bà T không thực

hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy là ông Q, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định của Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng đã chuyển số dư nợ gốc, lãi đến hạn chưa trả được sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Ngân hàng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng ông Q, bà T không thanh toán thêm cho Ngân hàng được số tiền nào. Do ông Q, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q, bà T phải trả số tiền nợ gốc còn lại 609.991.879 đồng, là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, được chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu tính lãi: Xét thỏa thuận về lãi suất theo Hợp đồng tín dụng giữa các đương sự, là phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T phải trả số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/5/2024) bao gồm: Lãi trong hạn 80.083.336 đồng; Lãi quá hạn 10.939.690 đồng, là có căn cứ chấp nhận.

[3.3] Như vậy, tổng cộng cả gốc và lãi ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng TMCP S tính đến ngày 24/5/2024 tổng cộng là 701.014.905 đồng, trong đó: Nợ gốc còn lại: 609.991.879 đồng; Lãi trong hạn 80.083.336 đồng; Lãi quá hạn 10.939.690 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP S về việc buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 25/5/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng, thấy rằng: Yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật dân sự. Do đó, được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ngày 23/12/2021, thấy rằng: Khi hai bên ký kết Hợp đồng tín dụng số: 202126474124 ngày 23/12/2021, đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ngày 23/12/2021 để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng, là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp xe ô tô đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đ theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 24/12/2021. Như vậy, Hợp đồng thế chấp xe ô tô là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, trong trường hợp ông Q, bà T không thanh toán được nợ cho Ngân hàng thì phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ cho Ngân hàng là cần thiết, có căn cứ và phù hợp với thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng thế chấp; phù hợp với quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Do đó, được chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đã tự nguyện nộp tạm ứng và đã chi hết số tiền trên. Tại phiên tòa Đại diện Ngân hàng TMCP S có ý kiến là Ngân hàng hỗ trợ khách hàng và không yêu cầu xử lý về số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên không phải xử lý.

[7] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Lê Đình Q, bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 466 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S,

Buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tính đến ngày 24/5/2024 là 701.014.905 đồng, trong đó: Nợ gốc còn lại: 609.991.879 đồng; Lãi trong hạn 80.083.336 đồng; Lãi quá hạn 10.939.690 đồng.

Trong trường hợp ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP S được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là: 01 xe ô tô tải ben Howo 4 chân 380 HP nhãn hiệu CNHTC, sản xuất năm 2021, xuất xứ Trung Quốc, màu nâu, model ZZ3317N3267E1, số máy D103850210407046397, số khung LZZ1EXSB9MN884249; Đăng ký xe số: 36021807; Biển kiểm soát: 36H-033.77 do Phòng CSGT Công an tỉnh T cấp ngày 17/12/2021 cho ông Lê Đình Q, theo hợp đồng thế chấp tài sản (Áp dụng cho tài sản là động sản) số 202126474124/HĐTC ký ngày 23/12/2021, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đ theo Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 24/12/2021.

Kể từ ngày 25/5/2024 ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc ông Lê Đình Q và bà Hoàng Thị T phải nộp 32.040.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.531.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0016422 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến